

**CÔNG TY CỔ PHẦN XNK VÀ THƯƠNG MẠI NBO GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XNK VÀ THƯƠNG MẠI NBO GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NBO GROUP IMPORT EXPORT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NBO GROUP IMPORT EXPORT AND TRADING., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400977548

**3. Ngày thành lập:** 02/11/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 209, đường Quách Nhẫn, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0838894444

Fax:

Email: ketoan@nbogroup.vn

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                        | 4610        |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                    | 4641(Chính) |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày                                                                                               | 4659        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                    | 4669        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                        | 8299        |
| 7.  | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                          | 9620        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                          | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                            | 4690 |
| 10. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                            | 1311 |
| 11. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                   | 1312 |
| 12. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                 | 1313 |
| 13. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                 | 1391 |
| 14. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                  | 1392 |
| 15. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                          | 1410 |
| 16. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                        | 1420 |
| 17. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                    | 1430 |
| 18. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                                           | 1511 |
| 19. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                          | 1512 |
| 20. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                      | 1520 |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                               | 4774 |
| 22. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                | 4782 |
| 23. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.                                                               | 4791 |
| 24. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                            | 4799 |
| 25. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                         | 4751 |
| 26. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                              | 4763 |
| 27. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4771 |
| 28. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ vàng, sừng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí) Chi tiết:<br>- Bán lẻ phụ kiện thời trang<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG THỊ NHUNG  | Thôn Tây Lễ, Xã Xương Lâm, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 360.000    | 3.600.000.000         | 40,000    | 024184015602                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Tổng số                   | 360.000    | 3.600.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ THỊNH | SN 86 Đỗ Văn Quýnh, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 270.000    | 2.700.000.000         | 30,000    | 024187013836                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       | Tổng số                   | 270.000    | 2.700.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                       |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                       |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ THUY | Tổ 4, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 270.000 | 2.700.000.000 | 30,000 | 024188005968 |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Tổng số                   | 270.000 | 2.700.000.000 | 30,000 |              |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HOÀNG THỊ NHUNG
Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 27/09/1984
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024184015602

Ngày cấp: 16/05/2023
Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tây Lễ, Xã Xương Lâm, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tây Lễ, Xã Xương Lâm, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang